

## TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CÁC DOANH NGHIỆP ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

### Impacts of Industrial Zones and Enterprises Development on the Socio-Economic Development of Hung Yen Province

Nguyễn Văn Hương<sup>1</sup>, Bùi Bằng Đoàn<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Khoa Kinh tế - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

<sup>2</sup>Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

#### TÓM TẮT

Phát triển các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp chế biến là chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010-2020. Do đó, cần phải nghiên cứu những tác động của việc phát triển các khu công nghiệp (KCN) và các doanh nghiệp đến phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hưng Yên. Bài viết này sử dụng các phương pháp như: Khảo sát, điều tra 30 doanh nghiệp ở hai KCN là Như Quỳnh A và Phố Nối A vào tháng 6-7 năm 2008; nghiên cứu các văn bản, tài liệu đã ban hành, các chính sách phát triển kinh tế địa phương; phương pháp phân tích tác động của từng nhân tố. Các KCN và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã từng bước khẳng định được vai trò quan trọng trong công cuộc đổi mới và xu hướng hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, việc phát triển các KCN và các doanh nghiệp còn tồn tại những vấn đề tiềm ẩn thiếu bền vững ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên. Nghiên cứu này nhằm phân tích vai trò của các KCN và các doanh nghiệp trong phát triển kinh tế và đề xuất một số giải pháp để phát triển các KCN và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010-2020.

Từ khoá: Doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu công nghiệp, phát triển kinh tế, xã hội.

#### SUMMARY

Enterprise development, especially small and medium enterprises (SMEs) and processing industry, is an economic development strategy of Hung Yen province in period 2010- 2020. Therefore, it is necessary to examine impacts of industrial zones and enterprise development on the socio-economic development of Hung Yen province. Literature review was carefully done on documents related to the socio-economic development of the province. The research conducted a survey of 30 enterprises in two industrial zones of Nhu Quynh A and Pho Noi A during June-July 2008. Factor analysis was done to identify factors affecting the development process in the province. Industrial zones and enterprises in the province have step by step manifested important roles and position in the process of economic innovation and international integration. However, in the development process, there are still problems and uncertainties hindering the growth and development of enterprises in Hung Yen province. This paper is to examine roles of industrial zones and enterprises in economic development of Hung Yen province; it is also to point out problems and implications for business development in the province during 2010-2020.

Key words: Industrial zones, small and medium enterprises (SMEs), socio-economic development.

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngay sau ngày tái lập, tỉnh ủy tỉnh Hưng Yên đã có Nghị quyết “Đẩy mạnh hợp tác

đầu tư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên” nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, của Nhà nước về phát triển các khu công nghiệp (KCN). Năm 2003 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh

Hưng Yên tiếp tục bổ sung và ban hành hoàn chỉnh quy trình tiếp nhận quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh. Tỉnh chủ trương đặc biệt khuyến khích các dự án đầu tư vào các lĩnh vực: Các dự án có công nghệ hiện đại, có khả năng thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển; các dự án sớm có hiệu quả và đóng góp nhiều cho ngân sách; các dự án chế biến nông sản thực phẩm sử dụng nguyên liệu địa phương; các dự án giải quyết nhiều lao động tại chỗ. Tập trung khuyến khích các dự án sử dụng nhiều lao động vào khu vực các huyện phía Nam; các dự án sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu (Nghị định 09/2001-NĐ-CP)...

Để khuyến khích thu hút đầu tư trong và ngoài tỉnh vào KCN, tỉnh chủ trương thực hiện các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư phù hợp với các quy định của Chính phủ. Công khai các thủ tục hành chính, giải quyết nhanh chóng các thủ tục cấp phép đầu tư; đồng thời tỉnh cho phép hưởng thêm các ưu đãi như: Hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo nghề; kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng; tăng thời gian miễn giảm thuế đất. Thực hiện tốt cơ chế này, đến nay toàn tỉnh đã qui hoạch xong 5 KCN với tổng diện tích qui hoạch là 995 ha phân bố dọc theo quốc lộ 5 Hà Nội - Hải Phòng, qui mô bình quân một KCN gần 200 ha (QĐ 88/204/QĐ-UB).

Việc tăng nhanh về số lượng các doanh nghiệp, số KCN tỉnh Hưng Yên hơn 10 năm qua đã đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của địa phương trong tiến trình thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Sự phát triển này, đã góp phần phát triển kinh tế địa phương theo hướng chuyên môn hóa và tập trung hóa, tận dụng thế mạnh về vị trí địa lý nằm trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Nghiên cứu "*Tác động của việc phát triển các khu công nghiệp và các doanh nghiệp đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*" nhằm tìm ra những hạn chế và tồn tại trong việc phát triển các KCN, các doanh nghiệp từ đó đề xuất những

giải pháp kịp thời nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm:

- *Phương pháp khảo sát, điều tra:* Khảo sát tình hình sản xuất kinh doanh của 30 doanh nghiệp, ở KCN Như Quỳnh A và Phố Nối A, từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2008; giá trị sản xuất công nghiệp, giá trị xuất khẩu...

- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu:* Nghiên cứu các văn bản, tài liệu đã công bố, nghiên cứu các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chính sách thu hút đầu tư và ưu đãi: Tín dụng, đất, thuế...

- *Phương pháp phân tích:* Với những số liệu thu thập được sẽ được xử lý, xem xét một cách có hệ thống và phân tích những tác động của từng yếu tố tới phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Những kết quả đạt được từ việc phát triển các khu công nghiệp và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

#### 3.1.1. Đã tạo ra động lực để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước

Sau hơn 10 năm tái lập tỉnh, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 31-10-2001 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về đẩy mạnh hợp tác đầu tư giai đoạn 2001-2005. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, giảm các loại giấy tờ không cần thiết, tỉnh Hưng Yên đã có 2.345 doanh nghiệp (tính đến tháng 10/2008) trong đó đã có 146 doanh nghiệp nước ngoài với số vốn 805,322 triệu USD. Tuy nhiên, vốn đầu tư bình quân trên một dự án giảm dần qua các năm (năm 2006 là 8,564 triệu USD/1 dự án, năm 2008 là 2,635 triệu USD/1 dự án) (Nghị định 09/2001-NĐ-CP).

Các dự án đầu tư vào tỉnh Hưng Yên chủ yếu là các ngành: Cơ khí, điện tử, điện lạnh, may mặc, sản xuất máy móc thiết bị, thức ăn gia súc phục vụ cho phát triển kinh tế địa phương, tăng sản phẩm xuất khẩu và sử dụng nhiều lao động địa phương. Theo số liệu thống kê, các đối tác đầu tư ở tỉnh Hưng Yên đến từ hơn 20 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó, các doanh nghiệp Trung Quốc chiếm khoảng 30%, Hàn Quốc 30%, còn lại là của Nhật Bản, Đài Loan, Luxembua, Mỹ...

Bên cạnh việc thu hút các dự án đầu tư nước ngoài, trong những năm gần đây, đặc biệt sau khi áp dụng một số luật, như: Luật Doanh nghiệp 2005, Luật đầu tư năm 2005... toàn tỉnh đã thu hút được 541 dự án đầu tư trong nước với số vốn đầu tư là trên 31.354 tỷ đồng. Số vốn đầu tư trong nước bình quân một dự án tăng dần qua các năm, điều này cho thấy chủ trương của tỉnh là đang đi đúng hướng phù hợp với mục tiêu tổng thể trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, đó là: nguồn vốn đầu tư trong nước đóng vai trò quyết định, nguồn vốn nước ngoài là quan trọng.

### **3.1.2. Tạo ra khả năng tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương**

Mặc dù thời gian phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh mới được trên 10 năm, nhưng sự phát triển của các doanh nghiệp đã tạo ra nhiều giá trị gia tăng trong sản xuất công nghiệp; đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; từng bước đưa Hưng Yên tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế theo hướng chuyên môn hóa và tập trung hóa; khai thác tốt nhất mọi nguồn lực và những lợi thế hiện có, nâng cao sức cạnh tranh và đẩy nhanh tốc độ phát triển chung của kinh tế địa phương theo kịp tiến độ phát triển của đất nước. Trong những năm qua, giá trị công nghiệp và giá trị kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong KCN nói riêng và toàn tỉnh nói chung liên tục tăng qua các năm với tốc độ tăng tương ứng là 30% và 20%;

Năm 1997 giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh đạt trên 56 triệu USD và giá trị xuất khẩu đạt trên 22 triệu USD và ước năm 2008 giá trị công nghiệp và giá trị xuất khẩu lần lượt là khoảng 900 triệu USD và 350 triệu USD. Như vậy, KCN đã đóng góp đáng kể vào tăng trưởng chung của toàn tỉnh Hưng Yên với tốc độ tăng trưởng khoảng 13% một năm trong giai đoạn 1997-2007.

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng năm của các doanh nghiệp trong tỉnh tăng nhanh trong giai đoạn 2002-2005 (đạt trên 28%) và giảm dần ở mức trên 13% giai đoạn 2005-2008. Đây chính là động lực giúp hoạt động ngoại thương của tỉnh đạt được những khởi sắc rõ rệt sau hơn 10 năm tái lập tỉnh. Sự giảm sút về giá trị xuất khẩu những năm 2005-2008 chủ yếu là do các doanh nghiệp đang có xu hướng chuyển từ sản xuất hàng hóa để xuất khẩu sang sản xuất hàng hóa nhằm thay thế hàng hóa nhập khẩu đặc biệt là sau khi Việt Nam là thành viên thứ 150 của WTO. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn luôn chiếm tỷ trọng lớn và tăng dần theo từng năm: Năm 1997 xuất khẩu hàng hóa từ kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 3,953 triệu USD đến năm 2003 là 14,931 triệu USD. Bên cạnh đó, công nghiệp FDI còn tiếp nhận hệ thống công nghệ, thiết bị sản xuất hiện đại, kinh nghiệm quản lý, quản trị doanh nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cùng chiến lược marketing bài bản...

Cùng với giá trị công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng cao trong những năm qua, đóng góp vào ngân sách của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ngày một tăng, với tốc độ tăng trưởng bình quân năm là trên 15% (Hình 1). Năm 2008 ước thu ngân sách từ các doanh nghiệp đạt khoảng 60 triệu USD, trong đó đóng góp vào ngân sách từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 30% và từ các doanh nghiệp dân doanh chiếm khoảng 50%.

Giá trị sản xuất công nghiệp, tổng kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên tăng trưởng mạnh đã góp phần làm chuyển dịch cơ cấu ngành: Công nghiệp và xây dựng; Nông, lâm nghiệp và thủy sản; dịch vụ (Hình 2). Cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 51,87% năm 1997 còn 25,4% năm 2007 và năm 2008 ước chỉ còn 24,5%. Trong khi đó cơ cấu công nghiệp và xây dựng tăng nhanh từ 20,26% năm 1997 lên 42,3% năm 2007 và năm 2008 ước đạt 44%. Đóng góp vào sự chuyển dịch cơ cấu này chính là do tốc độ tăng nhanh của nhóm ngành công nghiệp chế biến, hiện nay giá trị của nhóm ngành chế biến chiếm tới 99,6% giá trị sản lượng công nghiệp. Trong đó, phải kể đến sự đóng góp lớn của các ngành: Sản xuất thực phẩm và đồ uống; công nghiệp dệt may và da giày; công nghiệp sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa...; sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim, từ kim loại; sản xuất giường tủ bàn ghế... Chính những ngành này đã làm chuyển dịch cơ cấu của toàn tỉnh trong thời gian qua, và góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong xu hướng hội nhập sâu, rộng vào WTO.

### **3.1.3. Giải quyết nhiều việc làm cho địa phương, nâng cao mức sống dân cư**

Theo số liệu thống kê, đến năm 2006 tỉnh Hưng Yên có khoảng trên 1 triệu dân, được phân bố trên 10 đơn vị hành chính, gồm một thị xã và 9 huyện. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bao gồm các doanh nghiệp trong các KCN đã tạo được nhiều việc làm cho địa phương và tỉnh bạn, năm 1997 tạo việc làm cho trên 89 nghìn người và đến năm 2006 là trên 156 nghìn người (Hình 3). Trong tổng số lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên chủ yếu là các lao động trẻ, tuổi từ 18 đến 35. Đây là yếu tố thuận lợi giúp cho việc tiếp cận đến công nghệ mới, hiện đại trong khu vực và thế giới.

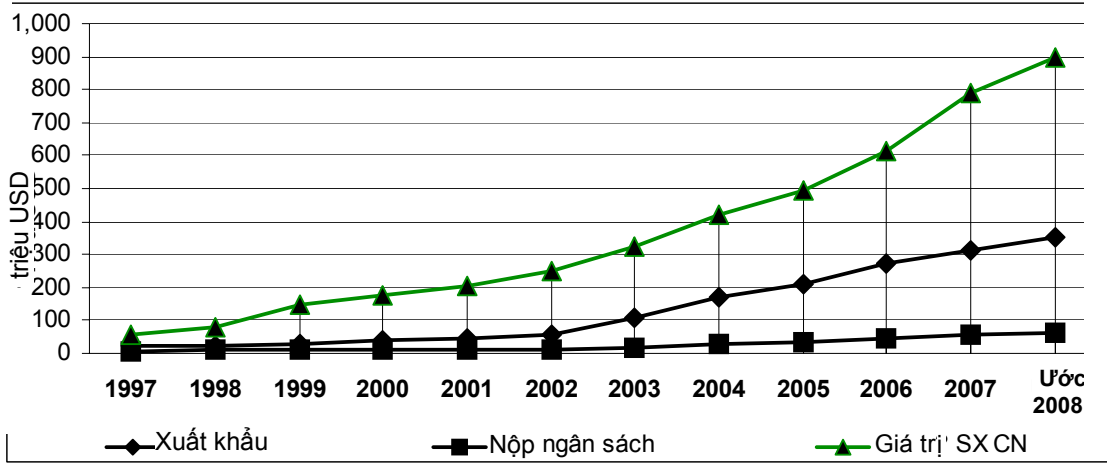
Việc tăng nhanh về số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đã trực tiếp và gián tiếp góp phần làm tăng thu nhập bình quân của người dân địa phương, đặc biệt là tác động tích cực đến việc xóa đói, giảm

nghèo và giảm tỉ lệ thất nghiệp, giảm các tệ nạn trong cộng đồng dân cư do tình trạng thất nghiệp và thiếu đói gây ra. Thu nhập bình quân của đại bộ phận dân cư đều tăng cao trong những năm vừa qua, đạt 550 USD vào năm 2004 và đến năm 2008 ước đạt 835 USD bình quân một đầu người. Như vậy, việc thành lập mới các doanh nghiệp, mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp và việc mở rộng thêm các KCN đã góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động, tạo thêm nhiều công ăn việc làm, làm giảm tỉ lệ thất nghiệp và là động lực thúc đẩy chính làm giảm tỉ lệ hộ nghèo toàn tỉnh xuống mức 11% (năm 2006), phấn đấu đến hết năm 2008 còn 7% tỉ lệ hộ nghèo.

### **3.1.4. Nâng cao năng lực công nghệ địa phương**

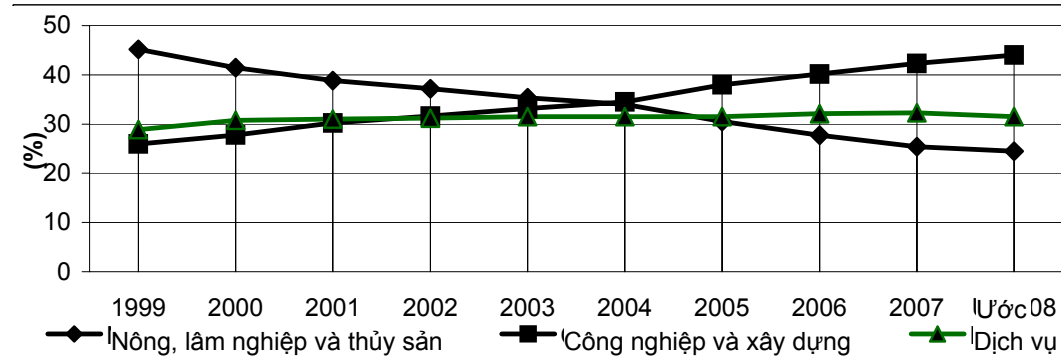
Hơn 146 doanh nghiệp nước ngoài vào đầu tư tại tỉnh Hưng Yên, cùng với dòng vốn đầu tư trực tiếp chảy vào tỉnh là việc chuyển giao công nghệ tiên tiến hiện đại trên thế giới để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Theo số liệu thống kê của tỉnh, đầu tư nước ngoài góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến cho 6 nhóm ngành chính: Cơ khí, luyện thép, điện tử, ô tô, xe máy, công nghệ thực phẩm (UBND tỉnh Hưng Yên, 2007).

Nhìn chung, trình độ công nghệ của khu vực đầu tư nước ngoài cao hơn và họ thường mang theo các thiết bị tiên tiến hiện đại đã có trên thế giới, đặc biệt là các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Phần Lan, Trung Quốc... Hầu hết các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, được kết nối và chịu ảnh hưởng của hệ thống quản lý hiện đại của công ty mẹ. Sau khi tiến hành sản xuất kinh doanh họ đã chuyển giao cho phía địa phương, một số doanh nghiệp còn có sự giám sát của các chuyên gia nước ngoài. Như vậy, việc chuyển giao công nghệ ở các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nói riêng, của Hưng Yên nói chung.



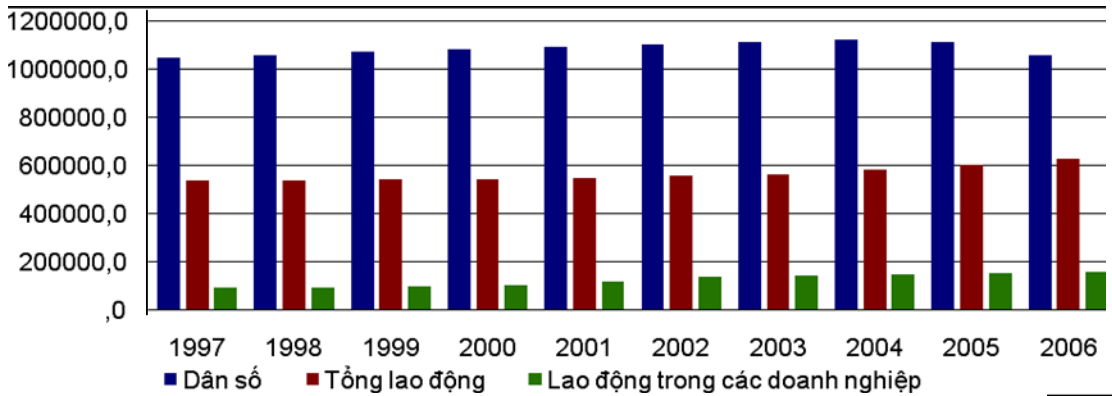
**Hình 1. Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng, xuất khẩu và nộp ngân sách của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Nguồn: Dựa trên số liệu của Cục Thuế Hưng Yên (2008), Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (2008)



**Hình 2. Cơ cấu ngành của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 1999 – 2008**

Nguồn: Số liệu thống kê giai đoạn 1999-2003 (<http://www.hungyen.gov.vn>) và Báo cáo của tỉnh Hưng Yên các năm 2004, 2005, 2006.



**Hình 3. Dân số, lao động và số lao động làm việc trong các doanh nghiệp**

Nguồn: Số liệu thống kê (<http://www.hungyen.gov.vn>)

### **3.1.5. Phát triển kinh tế địa phương, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa**

Hơn 10 năm qua, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn Hưng Yên đã góp phần đáng kể vào tăng trưởng chung toàn tỉnh với tốc độ tăng trưởng 13% một năm. Tổng vốn đầu tư toàn tỉnh trong giai đoạn qua tăng đều ở mức trên 15%. Trong số 6.120 tỷ đồng tổng vốn đầu tư cho phát triển toàn tỉnh năm 2007 thì đóng góp của các doanh nghiệp và các KCN là trên 5.260 tỷ đồng, chiếm khoảng 86% (UBND tỉnh Hưng Yên, 2007). Sự phát triển này, có tác động lan tỏa đến các thành phần khác của nền kinh tế thông qua sự liên kết giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước trên địa bàn; công nghệ và năng lực kinh doanh được chuyển giao từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, từ các doanh nghiệp trong nước ảnh hưởng đến các hoạt động của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và ngành dịch vụ. Sự lan tỏa này có thể đã tạo động lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa; góp phần mở rộng qui mô sản xuất của địa phương, tạo thêm nhiều việc làm mới cho địa phương và các tỉnh lân cận.

Việc phát triển các KCN trong thời gian qua đã hình thành nên nhiều khu dân cư tập trung mới, như: Khu dân cư Như Quỳnh, Phố Nối, Minh Đức...; mang lại văn minh cho địa phương, góp phần cải thiện đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội. Đặc biệt là việc tỉnh Hưng Yên đang chuẩn bị các yếu tố để nâng cấp Thị xã Hưng Yên thành đô thị loại ba trước năm 2010, nâng cấp Phố Nối thành thị xã và qui hoạch thành khu đô thị công nghiệp hiện đại văn minh, phát triển đồng bộ. Những khu đô thị mới được hình thành sẽ góp phần cải thiện bộ mặt các vùng nông thôn tỉnh Hưng Yên

### **3.1.6. Hình thành lên các Hiệp hội bảo vệ quyền lợi cho các doanh nghiệp**

Các doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc hình thành lên các Hiệp hội, là các

thành viên chính đóng góp cho sự tồn tại và phát triển của các Hiệp hội. Số lượng các doanh nghiệp tham gia chính là số thành viên của Hiệp hội, có trách nhiệm đóng phí để duy trì hoạt động của Hiệp hội. Năm 2004, Hiệp hội doanh nghiệp Hưng Yên được thành lập với 8 chi hội ở các huyện, có 3 nhân viên phụ trách công việc hành chính và đào tạo. Năm 2004, Hiệp hội doanh nghiệp Hưng Yên có 70 hội viên (doanh nghiệp) và đến năm 2007 có 400 hội viên nhưng chỉ có 160 hội viên (40% số hội viên) đóng hội phí cho hiệp hội. Tất cả các dịch vụ đều được cung cấp miễn phí. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng 500.000 đồng một năm, các doanh nghiệp có vốn pháp định lớn hơn 10 tỷ đồng đóng 1 triệu đồng.

Việc thành lập lên các Hiệp hội ở tỉnh Hưng Yên được thực hiện theo Nghị định 88/2003/ND-CP được Chính phủ ban hành ngày 30/7/2003. Các Hiệp hội được thành lập có các chức năng: Đại diện cho quyền lợi, bảo vệ quyền, các thông tin về cung cấp theo như các điều khoản luật, phân xử, đóng góp ý kiến về các tài liệu pháp lý, phối hợp với các cơ quan hữu quan; Dịch vụ: Đào tạo và tư vấn theo nhu cầu, cơ chế tài chính và các dịch vụ theo nhóm. Đây là những vấn đề cần thiết nhằm hỗ trợ, giúp đỡ, tạo cơ hội giao lưu, liên kết giữa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (Simone và N.V. Khánh, 2008).

## **3.2. Một số hạn chế, bất cập và đề xuất những giải pháp nhằm phát triển các KCN và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

### **3.2.1. Một số hạn chế, bất cập**

- Việc phân bổ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa hợp lý. Hơn 10 năm qua đã có hơn 2 nghìn doanh nghiệp mới được thành lập trên địa bàn tỉnh, đóng góp lớn vào thu ngân sách của tỉnh, tuy nhiên các doanh nghiệp lại phân bổ không đều trên địa bàn, đa số các doanh nghiệp nằm ngoài các KCN. Điều này, đã tác động tiêu cực đến việc phát triển vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng,

vốn cho việc xử lý rác thải công nghiệp. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn tới việc cạnh tranh gay gắt giữa các vùng, giữa các KCN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, tác động tiêu cực đến việc sử dụng vốn đầu tư, giảm khả năng khai thác hiệu quả thông qua lợi thế cạnh tranh của một tỉnh gần thủ đô Hà Nội, có lực lượng lao động dồi dào và giá thuê lao động thấp. Trong khi nhiều địa phương thực hiện các thủ tục xin mở mới các KCN, trong khi đó KCN tại Thị xã Hưng Yên lại không được đưa vào sử dụng, gây lãng phí nguồn lực lớn cho xã hội. Điều này, dẫn đến những hoài nghi về cơ chế chính sách xã hội, tính ổn định của môi trường đầu tư và hiệu lực của cơ quan quản lý cấp bộ, địa phương và gây ảnh hưởng xấu đến việc thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

- Cơ cấu đầu tư của các doanh nghiệp vào tỉnh còn nhiều bất cập. Hầu hết các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh Hưng Yên đều là các dự án công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến thực phẩm (như: Dệt, sợi, may mặc, da giày, sản xuất sản phẩm từ mây, tre, nứa,...). Còn những dự án đầu tư vào những lĩnh vực, những ngành đòi hỏi công nghệ hiện đại, tiên tiến như: Điện tử, vật liệu mới còn quá ít. Nếu quá trình này liên tục diễn ra sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình CNH, HĐH đất nước trong thời kỳ hội nhập.

- Nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp chưa cao. Qui mô vốn đầu tư bình quân một dự án giai đoạn 1997-2008 có sự khác nhau đáng kể, tăng dần trong giai đoạn 2001-2005, nhưng lại giảm dần ở giai đoạn 2006-2008. Thực tế cho thấy, Hưng Yên chưa thực sự hấp dẫn đầu tư từ các công ty lớn đa quốc gia, nắm giữ những công nghệ gốc, sản xuất những sản phẩm có hàm lượng chất xám cao (kinh tế tri thức). Hơn nữa, mặc dù có hơn 20 quốc gia đầu tư vào địa bàn tỉnh Hưng Yên, nhưng những doanh nghiệp này mới chỉ dừng ở công nghệ tiên tiến và trung bình chứ chưa phải là công nghệ cao, vì với một số doanh nghiệp đó mới chỉ là sự dịch

chuyển công nghệ từ quốc gia này sang quốc gia khác, nhằm tận dụng những lợi thế về giá lao động, điều kiện tự nhiên... của địa phương.

- Lực lượng lao động trong các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Nhìn chung lực lượng lao động ở các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn thấp về chuyên môn, chưa quen với môi trường lao động có áp dụng tác phong đại công nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý, sản xuất hiện đại, đặc biệt là các doanh nghiệp trong các KCN.

- Xử lý các vấn đề về thủ tục hành chính còn bất cập. Môi trường đầu tư của Hưng Yên những năm gần đây có nhiều tiến bộ, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại cần giải quyết như: Thủ tục chưa cải tiến kịp thời với yêu cầu; việc phối hợp giữa ngành và địa phương chưa tốt; tiến độ giải phóng mặt bằng trong các KCN đã được phê duyệt còn chậm, có nơi chưa nhận thức đầy đủ về hợp tác đầu tư do đó còn một bộ phận nhân dân chưa đồng thuận gây khó khăn cho việc giải phóng mặt bằng triển khai các dự án của các nhà đầu tư trong và ngoài nước (Nguyễn Đình Cung, 2007).

- Cơ sở hạ tầng trong toàn tỉnh còn thiếu và hạn chế về chất lượng. Tiến độ xây dựng các công trình hạ tầng KCN, nhất là giao thông trong và ngoài khu công nghiệp còn chậm; cùng với đó là sự chậm trễ trong tiến độ xây dựng các dự án, chưa chấp hành tốt các qui định chung; sự chuẩn bị cho quá trình hội nhập quốc tế chưa được quan tâm đúng mức. Điều này dẫn đến chi phí xây dựng tăng cao, làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư của tỉnh.

- Vấn đề qui hoạch các KCN và giao thông còn nhiều bất cập. Tại nạn giao thông tăng lên nhiều ở quốc lộ 5 và đường 39 sau khi Hưng Yên thực hiện chính sách thu hút đầu tư, nhất là sau khi các KCN được qui hoạch. Vấn đề là khi phát triển các KCN, tỉnh chưa thực sự chú ý phát triển hệ thống đường gom, chỉ giới an toàn giao thông, xây dựng các cầu vượt... Điều này đã cản trở các

phương tiện vận tải trên địa bàn và gây khó khăn cho người lao động.

- Việc qui hoạch các KCN và doanh nghiệp chưa thật sự hài hòa với phát triển các công trình xã hội (nhà trẻ, y tế... phục vụ đời sống cho người lao động ở các doanh nghiệp). Nhà ở cho người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên chưa được chính quyền tỉnh quan tâm đúng mức, người lao động chủ yếu thuê nhà ở của các gia đình xây dựng nhà cho thuê ở gần các doanh nghiệp. Mặc dù trong các KCN đã có sự quy hoạch về nhà ở cho người lao động, nhưng đến nay chưa có một KCN nào xây dựng nhà ở cho người lao động, trong khi đó số lao động tại các doanh nghiệp chủ yếu là từ nơi khác đến. Do vậy, vấn đề nhà ở nếu không giải quyết tốt sẽ có nguy cơ phát sinh nhiều vấn đề phức tạp.

- Vấn đề qui hoạch xử lý chất thải: Rắn, lỏng và khí chưa được quan tâm đúng mức. Chất thải công nghiệp đang là vấn đề nổi cộm của toàn xã hội, nếu không xử lý tốt sẽ làm cho môi trường bị ô nhiễm trên diện rộng, ảnh hưởng đến môi trường sống và sức khỏe của người lao động và người dân sống trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa có hệ thống xử lý chất thải dạng lỏng, rắn và khí. Đây là nhân tố cản trở sự phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

### **3.2.2. Một số kiến nghị và đề xuất các giải pháp**

*Thứ nhất*, về vấn đề qui hoạch phát triển tổng thể, đồng bộ các KCN tỉnh Hưng Yên. Tỉnh Hưng Yên cần phải rà soát và điều chỉnh lại các bản qui hoạch phát triển KCN trong toàn tỉnh, phát huy lợi thế của từng địa phương, liên kết được sự phát triển giữa các ngành, các địa phương, thị trường trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, khi xây dựng các KCN phải tuân thủ theo các qui hoạch đã được phê duyệt; cần phải ưu tiên phát triển nhà ở cho công nhân lao động làm thuê tại các doanh nghiệp trong các KCN.

Hiện nay, vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng tăng, chi phí xử lý rác thải công nghiệp lớn đã đòi hỏi phải qui hoạch tổng thể các KCN nhằm giải quyết các vấn đề môi trường; buộc các doanh nghiệp phải lắp đặt thiết bị xử lý chất thải và thực hiện chủ trương thu phí môi trường; tăng cường hơn nữa công tác thanh kiểm tra nhằm phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm (Phạm Tiến Ngọc, 2006).

*Thứ hai*, quan tâm đến vấn đề môi trường. Phát triển các KCN, các doanh nghiệp phải tính đến việc xây dựng hệ thống bãi rác, nhà máy xử lý chất thải: lỏng, rắn và khí. Phải coi đây là vấn đề cấp bách cần phải giải quyết ngay.

*Thứ ba*, giải quyết nhà ở cho người lao động. Tỉnh phải tập trung chỉ đạo xây dựng nhà ở cho người lao động ở các KCN, giành cho nó sự ưu tiên về quỹ đất về vốn, qui hoạch nhà ở phải gắn với việc xây dựng nhà trẻ, trường học, bệnh viện... nhằm tạo niềm tin cho người lao động và niềm tin cho các nhà đầu tư.

*Thứ tư*, về việc cải cách hành chính. Thực hiện cơ chế một cửa theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục rà soát và loại bỏ kịp thời các văn bản hết hiệu lực, ban hành các văn bản mới; khẩn trương triển khai thực hiện các Nghị định, thông tư và các văn bản hướng dẫn các Luật mới có hiệu lực như Luật: Đấu thầu, xây dựng, đầu tư, doanh nghiệp... Đẩy mạnh hơn nữa việc phân công, phân cấp cụ thể cho các ngành, địa phương để nâng cao tính chủ động, chịu trách nhiệm, giảm đến mức thấp nhất tình trạng trùng lặp, đùn đẩy, né tránh trong giải quyết công việc. Đẩy mạnh quá trình thực hiện công nghệ thông tin, tin học hóa vào các hoạt động quản lý, điều hành, đảm bảo khai thác có hiệu quả chương trình công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước. Tăng cường sự phối hợp quản lý Nhà nước theo cả chiều dọc và chiều ngang: Xây dựng chương trình hành động về trợ giúp phát triển doanh nghiệp (thành lập các Hiệp hội của tỉnh); Quy chế phối hợp hoạt động mang tính chất liên ngành; thường xuyên



theo định kỳ (hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm) họp đúc rút kinh nghiệm thời gian qua và bàn phương hướng hoạt động thời gian tới.

*Thứ năm*, về việc hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin, dự báo thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu. Xây dựng và phát triển các bản thông tin, dự báo thị trường, mạng thông tin thương mại có chất lượng cao (<http://www.hungyenbusiness.gov.vn>). Tổ chức tốt các chương trình xúc tiến thương mại; xây dựng và phát triển một số trung tâm thương mại, trung tâm thông tin, sàn giao dịch, trung tâm kiểm tra chất lượng, kho ngoại quan, gian hàng giới thiệu hàng hoá, dịch vụ, tiềm năng của địa phương ở nước ngoài để hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư (Tô Hoài Nam, 2007).

*Thứ sáu*, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý. Để giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp và xây dựng; ngành dịch vụ trong GDP cần có sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, cần phải tổ chức lại hệ thống doanh nghiệp theo ngành hàng; gắn sản xuất, chế biến với thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước; hình thành chuỗi cung ứng hàng hóa và dịch vụ; tích cực tìm kiếm, khôi phục các cơ sở, các làng nghề truyền thống, từng bước tạo sự kết hợp chặt chẽ giữa người sản xuất và cơ sở chế biến ở các vùng nguyên liệu tập trung.

*Thứ bảy*, tổ chức tốt hệ thống tín dụng nhằm phát triển cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hệ thống tín dụng này có sứ mạng cấp cả tín dụng thương mại lẫn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ lãi suất đầu tư, bảo lãnh tín dụng... cho các đối tượng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

#### 4. KẾT LUẬN

Hơn 10 năm triển khai phát triển các doanh nghiệp, các KCN tại tỉnh Hưng Yên bước đầu đã đạt được những thành tựu đáng kể: Thu hút được 2.345 doanh nghiệp trong

và ngoài nước với tổng vốn đầu tư là 805,322 triệu USD; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giai đoạn 2005-2008 ước đạt 13% một năm; thực hiện có hiệu quả mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỷ trọng công nghiệp ước đạt 44% năm 2008; tạo việc làm cho hơn 160 nghìn lao động; thu nhập bình quân một người ước đạt 835 USD năm 2008 và giảm tỷ lệ hộ đói nghèo ở mức 7%; tiếp nhận chuyển giao công nghệ cho 6 nhóm ngành chính; đóng góp khoảng 5.260 tỷ đồng cho tổng vốn đầu tư của toàn tỉnh; hình thành hai đô thị; thành lập Hiệp hội doanh nghiệp hỗ trợ cho sự phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển này còn chứa đựng những tiềm ẩn của nhiều yếu tố thiếu bền vững, cản trở như các vấn đề: Quy hoạch, về môi trường, về lao động việc làm, về nhà ở... Những vấn đề này phải được xem xét có hệ thống trong quá trình xây dựng, qui hoạch phát triển các KCN và phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Giải quyết tốt những vấn đề đã nêu ở trên sẽ góp phần không nhỏ thực hiện thắng lợi thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 31-10-2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh hợp tác đầu tư giai đoạn 2001-2005. Tiếp tục khẳng định đầu tư trực tiếp nước ngoài, tỉnh ngoài là nguồn vốn quan trọng để phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo điều kiện để chủ động hội nhập sâu, rộng vào WTO giai đoạn 2010-2020.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nghị định 09/2001/NĐ-CP về “Trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa”.

Quyết định số 88/2004/QĐ-UB ngày 03/11/2004 của UBND tỉnh Hưng Yên, “Quy định về khuyến khích và ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”.

- Cục Thuế tỉnh Hưng Yên (2008). “Báo cáo thu ngân sách giai đoạn 1997-2008”.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (2008). “Tổng hợp các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài giai đoạn 1997-2008”.
- UBND tỉnh Hưng Yên (2005). “Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2005”.
- UBND tỉnh Hưng Yên (2006). “Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2005 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2006”.
- UBND tỉnh Hưng Yên (2007). “Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2007”.
- Nguyễn Sinh Cúc (2007). “Bẫy giải pháp đẩy nhanh cải cách hành chính”, *Tạp chí Quản lý kinh tế*, số 16, tháng 9+10 - 2007.
- Nguyễn Đình Cung (2007). “Một số kiến nghị nhằm cải thiện chất lượng hệ thống qui định hiện hành về giấy phép kinh doanh ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý kinh tế*, số 16, tháng 9+10 - 2007.
- Tô Hoài Nam (2007). “Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam: cần điều chỉnh tiêu chí phân loại doanh nghiệp và chính sách trợ giúp”.
- Phan Tiến Ngọc (2006). “Vai trò của khu công nghiệp, khu chế xuất với phát triển kinh tế Việt Nam”, *Nghiên cứu kinh tế*, số 341, tháng 10 - 2006.
- Simone Lehmann, Tăng Văn Khánh (2008). “Hiệp hội doanh nghiệp tại Hưng Yên, Quảng Nam, Đắk Lắk và An Giang – Khảo sát, so sánh và khuyến nghị”, MPI-GTZ.
- [Http://www.hungyen.gov.vn](http://www.hungyen.gov.vn). “Hưng Yên với các nhà đầu tư”; “Mục tiêu kinh tế xã hội năm 2008”.